

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thị Amina;
2. Bà Trần Thị Tuyết Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 24, ấp Tân Tiến, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Văn Nhựt, sinh năm 1983 và chị Lê Thị Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 1, ấp Trảng Ba Chân, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày: Ngày 11/02/2018 vợ chồng chị Th, anh Nhựt có đến cửa hàng của anh mua hàng gồm: 01 ti vi, 01 loa, 01 âm ly (dàn âm thanh). Tổng trị giá 18.570.000 đồng, do quen biết nên anh bán với hình thức trả góp 3.000.000 đồng/tháng, sau khi mua thì anh Nhựt, chị Th có trả được 570.000 đồng còn thiếu lại 18.000.000 đồng thì ngưng không trả, nên anh T có đòi thì anh Nhựt, chị Th trả được 5.360.000 đồng còn thiếu lại 12.640.000 đồng. Sau khi tôi khởi kiện tại Tòa án thì chị Th, anh Nhựt có đến trả cho anh được số tiền 4.000.000 đồng anh có ghi giấy tay giao cho chị Th. Nay anh T yêu cầu chị

Th, anh Nhự trả số tiền 8.640.000 đồng tiền gốc và yêu cầu tính tiền lãi 1,66%/tháng, tính từ ngày 11/02/2018 đến ngày 11/8/2020.

- Bị đơn anh Bùi Văn Nhự và chị Lê Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nhng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng; Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430; Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh Bùi Văn Nhự, chị Lê Thị Th.

- Buộc anh Bùi Văn Nhự, chị Lê Thị Th có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 8.640.000 đồng và tiền lãi (8.640.000 đồng x 0,83% x (11/02/2018 – 11/8/2020) là 30 tháng = 2.151.360 đồng tiền lãi. Tổng cộng 10.791.360 (mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn ba trăm sáu mươi) đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T yêu cầu anh Bùi Văn Nhự, chị Lê Thị Th trả thêm số tiền lãi là 2.151.360 (hai triệu một trăm năm mươi một nghìn ba trăm sáu mươi) đồng.

Về án phí: Anh Dương Văn T, anh Bùi Văn Nhự và chị Lê Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Văn T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh Bùi Văn Nhự và chị Lê Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai Nhng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Khoản 2, Điều 227, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua bán, nên xác định quan hệ tranh chấp là “Mua bán tài sản” thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Do tranh chấp về hợp đồng dân sự nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân cấp huyện; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Do giao dịch dân sự được các bên xác lập ngày 11/02/2018 nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Nội dung vụ kiện: Anh T cho rằng vào ngày 11/02/2018 vợ chồng chị Th, anh Nhự có đến cửa hàng của anh mua các mặt hàng gồm: 01 ti vi, 01 loa, 01 âm ly (dàn âm thanh). Tổng trị giá 18.570.000 đồng, hình thức trả tiền góp 3.000.000 đồng/tháng, việc mua bán hai bên có làm hóa đơn bán lẻ và chị Th có ký nhận. Sau khi mua xong thì anh Nhự, chị Th có trả số tiền 570.000 đồng. Nhưng sau đó thì ngưng không trả góp. Anh T đòi nên anh Nhự, chị Th trả được số tiền 5.360.000 đồng; đến khi anh T khởi kiện ra Tòa thì anh Nhự, chị Th trả tiếp số tiền 4.000.000 đồng. Tổng cộng là 9.930.000 đồng, hiện còn thiếu lại số tiền 8.640.000 đồng. Anh Nhự, chị Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày. Xét thấy hóa đơn bán lẻ thể hiện mặt hàng, giá các mặt hàng. Tổng số tiền 18.570.000 đồng và có chữ ký của chị Th bên mục người nhận, nên có căn cứ xác định hợp đồng mua bán tài sản thực tế có diễn ra. Anh T thừa nhận sau khi mua thì chị Th, anh Nhự có trả được tổng số tiền 9.930.000 đồng, nên ghi nhận, nay anh T yêu cầu chị Th, anh Nhự trả số tiền còn thiếu lại là 8.640.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Anh T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính từ ngày 11/02/2018 đến ngày 11/8/2020 là 30 tháng, thành tiền là 4.302.720 đồng. Do trong hóa đơn các bên không thỏa thuận lãi suất, nên khi có tranh chấp thì chỉ được tính theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm, nên yêu cầu tính lãi của anh T có căn cứ chấp nhận một phần và được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 11/02/2018 đến ngày 11/8/2020 là 30 tháng x 0,83%/tháng x 8.640.000 đồng = 2.151.360 đồng. Số tiền lãi anh T yêu cầu còn lại 2.151.360 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh Bùi Văn Nhự, chị Lê Thị Th.

Buộc anh Nhự, chị Th có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 8.640.000 đồng và tiền lãi 2.151.360 đồng. Tổng cộng 10.791.360 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T yêu cầu anh Bùi Văn Nhự, chị Lê Thị Th trả thêm số tiền lãi là 2.151.360 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn Nhự và chị Lê Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 10.791.360 đồng theo quy định của pháp luật. Anh Dương Văn T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 2.151.360 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 430; Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh Bùi Văn Nhựt, chị Lê Thị Th.

- Buộc anh Bùi Văn Nhựt, chị Lê Thị Th có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 8.640.000 đồng và tiền lãi 2.151.360 đồng. Tổng cộng 10.791.360 (mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn ba trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày anh Dương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Bùi Văn Nhựt và chị Lê Thị Th chưa thi hành hết số tiền Nh đã nêu trên thì hàng tháng anh Nhựt, chị Th còn phải chịu thêm tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T yêu cầu anh Bùi Văn Nhựt, chị Lê Thị Th trả thêm số tiền lãi là 2.151.360 (hai triệu một trăm năm mươi một nghìn ba trăm sáu mươi) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Bùi Văn Nhựt và chị Lê Thị Th phải chịu 539.568 (năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ số tiền anh T đã nộp là 395.000 (ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0001387 ngày 23/11/2020, Chi cục thi hành án hoàn trả cho anh T số tiền chênh lệch 95.000 (chín mươi lăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh Dương Văn T, anh Bùi Văn Nh và chị Lê Thị Th được quyền kháng cáo Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi anh T, anh Nhựt và chị Th cư trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn